

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 535/2023/DS-PT

Ngày 30 tháng 10 năm 2023

"V/v tranh chấp thừa kế tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hải Thanh;

Bà Nguyễn Phương Hạnh.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hà Lê Giang, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:**
Bà Trần Thị Ngọc, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 30 tháng 10 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 140/2023/TLPT-DS ngày 05 tháng 4 năm 2023 về việc "Tranh chấp thừa kế tài sản". Do Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2022/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11840/2023/QĐ-PT ngày 11 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Phan Thị T, sinh năm 1958; trú tại: Tổ dân phố P, thị trấn L, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phan Tuấn C, Luật sư Văn phòng Luật sư Phan C và cộng sự, Đoàn Luật sư tỉnh H; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1959; trú tại: Tổ dân phố P, thị trấn L, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Phạm Chí T1; địa chỉ: Số A đường H, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh và bà Nguyễn Thị H; địa chỉ: Thôn S, xã M, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1. Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Hà Tĩnh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Quốc T2, chức vụ: Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường; có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Thế T3, chức vụ: Công chức địa chính thị trấn L; có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1964; trú tại: Xóm M, xã T, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh; vắng mặt.

4. Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1969; trú tại: Xóm E, xã T, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh; vắng mặt.

5. Bà Nguyễn Thị T4, sinh năm 1973; trú tại: Thôn B, xã T, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh; vắng mặt.

6. Bà Phan Thị N, sinh năm 1929; địa chỉ: Tổ dân phố P, thị trấn L, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh (đã chết sau khi xét xử sơ thẩm).

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà N:

6.1. Ông Nguyễn Văn T5, sinh năm 1962; trú tại: Tổ dân phố X, thị trấn L, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh; vắng mặt.

6.2. Ông Nguyễn Đức H1; địa chỉ: Tổ dân phố P, thị trấn L, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh; vắng mặt.

6.3. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1964; trú tại: Xóm M, xã T, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh; có mặt.

6.4. Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1969; trú tại: Xóm E, xã T, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh; vắng mặt.

6.5. Bà Nguyễn Thị T4, sinh năm 1973; trú tại: Thôn B, xã T, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh; có mặt.

6.6. Ông Nguyễn Đức H2; trú tại: Tổ dân phố P, thị trấn L, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh; vắng mặt.

7. Ông Nguyễn Đức H1, sinh năm 1962; vắng mặt.

8. Ông Nguyễn Đức H2, sinh năm 1974; vắng mặt.

9. Bà Ngô Thị Vân K, sinh năm 1977; vắng mặt.

10. Chị Nguyễn Thị Bảo V, sinh năm 1998; vắng mặt.

11. Chị Nguyễn Thị Bảo Y, sinh năm 2001; vắng mặt.

12. Anh Nguyễn Đức Q, sinh năm 2004; vắng mặt.

13. Chị Nguyễn Thị Bảo L1, sinh năm 2008; vắng mặt.

14. Anh Nguyễn Văn H3; có đơn xin xét xử vắng mặt.

15. Chị Nguyễn Thị H4, sinh năm 1982; vắng mặt.

16. Chị Nguyễn Thị N1, sinh năm 1989; vắng mặt.

17. Anh Nguyễn Đức H5, sinh năm 1992; vắng mặt.

Cùng trú tại: Tổ dân phố P, thị trấn L, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh.

18. Chị Nguyễn Thị L2, sinh năm 1995; trú tại: Thôn H, xã T, huyện L, Hà Tĩnh; vắng mặt.

19. Ông Nguyễn Văn T5, sinh năm 1962; vắng mặt.

20. Ông Nguyễn Như V1; vắng mặt.

21. Bà Nguyễn Thị Thúy G; vắng mặt.

22. Ông Nguyễn Đức H6, sinh năm 1952; vắng mặt.

Cùng trú tại: Tổ dân phố X, thị trấn L, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị S, bà Ngô Thị Vân K, chị Nguyễn Thị Bảo V, chị Nguyễn Thị Bảo Y, anh Nguyễn Đức Q, anh Nguyễn Đức H5, chị Nguyễn Thị N1, chị Nguyễn Thị H4 và chị Nguyễn Thị Bảo L1: Bà Phan Thị T; địa chỉ: Tổ dân phố P, thị trấn L, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- **Người kháng cáo:** Bị đơn bà Nguyễn Thị B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn H3.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời trình bày của các đương sự, các tài liệu có trong hồ sơ và bản án sơ thẩm, vụ án có nội dung tóm tắt như sau:

- *Nguyên đơn bà Phan Thị T trình bày:*

Bố chồng bà là ông Nguyễn Đức T6 được kế nghiệp thừa hưởng 01 mảnh đất ở và vườn tại thôn P, xã T, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh (nay là tổ dân phố P, thị trấn L, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh) thuộc thửa đất số 358, diện tích 700m² thuộc bản đồ lập trước năm 1980; trên thửa đất do các cụ để lại có 01 ngôi nhà xây cấp 4, 01 nhà thờ họ Chi ba của dòng họ Nguyễn Duy B1. Khoảng năm 1950 ông Nguyễn Đức T6 kết hôn với bà Phan Thị N, có 09 người con chung gồm: Ông Nguyễn Đức G1 (chết năm 2010), ông Nguyễn Đức D (chết năm 2013), ông Nguyễn Văn T5, ông Nguyễn Đức H1, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị S, bà Nguyễn Thị T4, ông Nguyễn Đức H2, ông Nguyễn Đức H7 (chết năm 2020).

Ngày 26/6/1980 bà và ông Nguyễn Đức D kết hôn, đến ngày 28/6/1980 thì được bố mẹ chồng bàn giao thửa đất số 358 cùng nhà ở, nhà thờ và vườn tược trên đất để vợ chồng sinh sống, kế nghiệp cha mẹ, tổ tiên, thờ phụng trông coi nhà thờ dòng họ; còn bố mẹ chồng của bà chuyển đến mảnh đất khác sinh sống. Chồng bà Nguyễn Đức D đứng tên kê khai, cập nhật lại ruộng đất, trong đó có đứng tên Nguyễn D đối với thửa 384, diện tích 754m² từ bản đồ số 8.

Năm 1993, vợ chồng bà mua nhà đất chuyển đến sinh sống tại nơi khác (cùng xóm với thửa đất số 384) nhưng việc thờ phụng tổ tiên ở thửa đất số 384 vẫn do vợ chồng bà đảm nhiệm. Năm 1994, ông Nguyễn Đức G1 kết hôn với bà Nguyễn Thị B, do ông G1 là con trai trưởng, nên cha mẹ cùng anh em họ hàng đồng ý cho vợ

chồng ông G1, bà B về sinh sống trên căn nhà tại thửa đất số 384, đồng thời có trách nhiệm chính trong việc thờ phụng, trông coi nhà thờ dòng họ.

Năm 1995, lợi dụng ông G1 bị câm điếc, không biết chữ bà B đã tự ý đứng ra kê khai lại người đứng tên thửa đất số 384 từ chồng của bà là Nguyễn Đức thành Nguyễn G2, tiếp đó được Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) huyện T, tỉnh Hà Tĩnh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là GCNQSDĐ) ngày 13/6/1995 mang tên Nguyễn Văn G3. Năm 2000 bố chồng là ông T6 chết không để lại di chúc, mẹ chồng là bà N và các đồng thừa kế khác cũng không có văn bản tặng cho quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông G3, bà B đối với thửa đất số 384.

Vợ chồng ông G3, bà B sống trên thửa đất từ năm 1994 đến năm 2010 thì ông G3 chết. Do vợ chồng ông G3 không có con trai và cuộc sống bà B gặp khó khăn nên giữa năm 2011 bà B đã họp gia đình họ hàng, tự nguyện bàn giao lại nhà thờ họ và một phần đất ở (chuyển nhượng) cho chồng bà là Nguyễn Đức D để về ở trên đất và thuận tiện việc thờ phụng tổ tiên, có lập thành văn bản, có xác nhận của các thành viên tham gia cũng như có xác nhận của thôn trưởng Phan Văn C1.

Tháng 8/2011 vợ chồng bà quay lại tiếp quản nhà thờ họ, xây dựng 01 ngôi nhà cấp 4, diện tích nhà và sân vườn khoảng 200m² trên thửa đất số 384 và sinh sống từ đó cho đến nay (bà B vẫn ở lại ngôi nhà cũ trên thửa đất số 384, bên cạnh nhà thờ họ). Khoảng tháng 4/2012, anh em tiến hành xây dựng mới nhà thờ nhánh C – dòng họ Nguyễn Duy B1, cách nhà thờ cũ và nhà bà B khoảng 10m. Năm 2013 chồng bà là ông D chết không để lại di chúc.

Theo các tài liệu thu thập được từ Chi nhánh Văn phòng Đ – L và cán bộ địa chính thị trấn L thì thửa đất số 384, tờ bản đồ số 8 (năm 1995) nay cập nhật số liệu mới là thửa đất số 160, tờ bản đồ 29, diện tích 856,7m². Hiện nay trên thửa đất gồm có 01 ngôi nhà thờ họ Chi Ba của dòng họ Nguyễn Duy B1, có diện tích khoảng 30m²; một ngôi nhà xây cấp 04 của bà Nguyễn Thị B, diện tích khoảng 50m² (bên cạnh nhà thờ họ); 01 ngôi nhà cấp 4, diện tích khoảng 200m² của bà.

Sau khi chồng bà chết, trên cơ sở biên bản họp gia đình, Giấy chuyển nhượng lập năm 2011, anh em họ hàng đã nhiều lần yêu cầu bà B phối hợp tách GCNQSDĐ mang tên ông Nguyễn Văn G3 cấp năm 1995 để làm GCNQSDĐ đối với phần đất thờ cúng (theo hiện trạng nhà thờ họ hiện nay), đất cho bà và phần còn lại là đất ở cho bà B theo hiện trạng bà B đang ở hiện nay nhưng bà B không đồng ý.

Theo bà thửa đất số 160 hiện nay có nguồn gốc là đất của bố mẹ chồng là ông Nguyễn Đức T6 và bà Phan Thị N. Ông T6 chết năm 2000 không để lại di chúc, bà N còn sống cũng không có văn bản tặng cho quyền sử dụng đất cho ai nên bà khởi kiện yêu cầu:

1. Công nhận $\frac{1}{2}$ thửa đất số 160 tờ bản đồ số 29, diện tích 856,7m² và tài sản gắn liền với đất gồm: Nhà thờ Chi Ba của dòng họ Nguyễn Duy B1 (30m²) tại tổ dân phố P, thị trấn L, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh là của ông Nguyễn Đức T6 để lại.

2. Phân chia $\frac{1}{2}$ thửa đất số 160 tờ bản đồ số 29, diện tích 856,7m² cho bà T và các đồng thừa kế theo quy định pháp luật sau khi đã trừ phần đất nhà thờ họ. Trường hợp các đồng thừa kế từ chối nhận di sản thừa kế, đề nghị Tòa án chia cho bà T và bà Nguyễn Thị B tương ứng với hiện trạng nhà và vườn hiện nay của hai gia đình.

3. Tuyên hủy GCNQSDĐ số G 251614 thuộc thửa 384, tờ bản đồ số 8 (nay là thửa đất số 160 tờ bản đồ số 29) do UBND huyện T (nay là UBND huyện L) cấp ngày 13/6/1995 cho ông Nguyễn Văn G3.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị B trình bày:

Thửa đất có nguồn gốc là của bố mẹ chồng bà là ông Nguyễn Đức T6, bà Phan Thị N nhưng đã cho vợ chồng bà sau khi kết hôn; đã được Nhà nước cấp GCNQSDĐ vào năm 1995 mang tên Nguyễn Văn G3. Năm 2009 chồng bà chết, năm 2010 anh em đã họp gia đình và buộc bà giao thửa đất cho bà T nhưng bà không đồng ý nên đã bị mẹ con bà T hành hung. Bà nhất trí dành lại một phần đất cho nhà thờ, không nhất trí dành phần đất cho bà Phan Thị T.

- Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị N, bà Nguyễn Thị S, bà Ngô Thị Vân K, chị Nguyễn Thị Bảo V, chị Nguyễn Thị Bảo Y, anh Nguyễn Đức Q, anh Nguyễn Đức H5, chị Nguyễn Thị N1, chị Nguyễn Thị H4, chị Nguyễn Thị Bảo L1, ông Nguyễn Văn T5, ông Nguyễn Đức H1, ông Nguyễn Đức H6, chị Nguyễn Thị L, chị Nguyễn Thị T4, anh Nguyễn Đức H2, anh Nguyễn Văn H3 trình bày:

Đều có quan điểm trình bày thống nhất với bà Phan Thị T về nguồn gốc thửa đất, quá trình sử dụng đất và yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị T; đều có ý kiến không nhận phần di sản của ông Nguyễn Đức T6 để lại mà đề nghị chia thửa đất làm 03 phần: 01 phần dành cho nhà thờ, 01 phần dành cho bà B và 01 phần dành cho bà T dựa trên khuôn viên các bên đang sử dụng.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị L2 (là con của ông G3, bà B):

Có quan điểm trình bày thống nhất với quan điểm của bà Nguyễn Thị B và từ chối nhận phần tài sản đang tranh chấp.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan UBND huyện L trình bày:

+ Về nguồn gốc thửa đất tranh chấp: Theo hồ sơ 299 đo vẽ từ năm 1980 – 1984 là thửa số 384, tờ bản đồ 08, bản đồ 299, diện tích 754m²; tại sổ mục kê, sổ thửa 384, tờ bản đồ số 8, mang tên Nguyễn D, diện tích 754m². Theo hồ sơ 371 đo vẽ từ năm 1996 – 1997 là thửa đất số 385, tờ bản đồ số 10, hồ sơ 371 diện tích

700m²; tại sổ mục kê, số thửa 385, tờ số 10, mang tên Nguyễn Thị B, diện tích 700m². Theo bản đồ đo năm 2012 là thửa số 160 tờ bản đồ số 29, diện tích 856,7m², Nguyễn Thị B (bản đồ đo đạc 2012), xã T nay là thị trấn L, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh.

+ Về trình tự thủ tục cấp GCNQSDĐ: Năm 1995, hộ gia đình ông Nguyễn Văn G3 đang sử dụng và đã kê khai nên đã được UBND huyện T cấp GCNQSDĐ số G251614 là thửa đất số 384, tờ bản đồ số 08, hồ sơ 299, diện tích 754m².

+ Quan điểm giải quyết vụ kiện: UBND huyện đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

- *Về kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:*

+ Về đất: Theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 30/6/2022, thửa đất số 160, tờ bản đồ số 29 (thửa số 384, tờ bản đồ số 08, bản đồ 299) có diện tích đo vẽ hiện trạng là 825,27m², trị giá 352.578.000 đồng (đất ở 200m² x 1.580.000 đồng/01m² = 316.000.000 đồng; đất trồng cây lâu năm 625,25m² x 58.500 đồng/01m² = 36.578.295 đồng). Trong đó phần diện tích đất khuôn viên nhà thờ C4 ba dòng họ Nguyễn Duy B1 có diện tích 179,75m²; phần diện tích đất bà Nguyễn Thị B đang sử dụng là 438,65m² và phần diện tích đất bà Phan Thị T đang sử dụng 206,87m².

+ Về tài sản trên đất: (1) Trên phần đất khuôn viên nhà thờ có các công trình: Nhà thờ, mái tôn trước nhà thờ, sân trước nhà thờ lát xi măng, tổng giá trị tài sản 144.135.000 đồng. (2) Trên phần đất bà Nguyễn Thị B đang sử dụng có các công trình xây dựng gồm: Nhà cấp 4, nhà bếp, mái tôn khung thép trước nhà, mái Firoxi măng trước bếp, nhà tắm, bể nước, nhà vệ sinh, chuồng bò, chuồng lợn, tấm tôn khung thép che bên mái che nhà cấp 4, chuồng gà và các loại cây trồng, với tổng giá trị tài sản của bà B là 274.574.000 đồng. (3) Trên phần đất bà Phan Thị T đang sử dụng có các tài sản: Ngôi nhà 01 tầng, nhà bếp, mái che lợn Firoxi măng khung thép, sân lát xi măng hàng rào, cổng, với tổng trị giá tài sản 339.667.000 đồng.

+ Ngoài ra, năm 2014 bà Nguyễn Thị B đã chuyển nhượng cho ông Nguyễn Như V1 và bà Nguyễn Thị Thúy G diện tích 31,2m² nhưng nguyên đơn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không yêu cầu giải quyết.

- *Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2022/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh đã quyết định:*

Áp dụng khoản 1 Điều 5, khoản 5 Điều 26, khoản 1, khoản 4 Điều 34, điểm a khoản 1 Điều 37, các Điều 38, 39, 48, 235, 266 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 609, 610, 611, 612, 613, 614, 620, 623, 649, 650, 651, 660 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 166, 167, 170 Luật Đất đai năm 2013; các Điều 3, 32 Luật Tố tụng hành chính; tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bà Phan Thị T.

1. Công nhận thửa đất số 384, tờ bản đồ số 29 bản đồ 299 (nay là thửa số 160 tờ bản đồ số 29), diện tích 825,27m², có địa chỉ: Tổ dân phố P, thị trấn L, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh là di sản thừa kế của cụ Nguyễn Đức T6 và tài sản của bà Phan Thị N.

2. Chấp nhận sự tự nguyện nhường lại kỷ phần thừa kế di sản là quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Đức T6 của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Phan Thị N, ông Nguyễn Văn T5, ông Nguyễn Đức H1, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị S, bà Nguyễn Thị T4, ông Nguyễn Đức H2, bà Ngô Thị Vân K, chị Nguyễn Thị Bảo V2, chị Nguyễn Thị Bảo L1, anh Nguyễn Đức Q, anh Nguyễn Văn H3, chị Nguyễn Thị H4, chị Nguyễn Thị N1, anh Nguyễn Đức H5 và chị Nguyễn Thị L2 cho nhà thờ Chi ba dòng họ Nguyễn Duy B1, bà Phan Thị T và bà Nguyễn Thị B.

3. Hủy GCNQSDĐ số G251614 do UBND huyện T cấp ngày 13/6/1995 cho ông Nguyễn Văn G3 đối với thửa đất số 384, tờ bản đồ 8 bản đồ 299 (nay là thửa đất số 160, tờ bản đồ số 29 bản đồ địa chính chính quy).

4. Chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Đức T6 và tài sản của bà Phan Thị N tại thửa đất số 160, tờ bản đồ số 29, diện tích 825,27m², địa chỉ: Tổ dân phố P, thị trấn L, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh, như sau:

4.1. Giao cho C2 ba dòng họ Nguyễn Duy B1 được quyền quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 179,75m², trị giá 101.805.375 đồng (trong đó 60m² đất ở trị giá 94.800.000 đồng và 119,75m² đất trồng cây lâu năm trị giá 7.005.375 đồng) thuộc thửa đất số 160, tờ bản đồ số 29, địa chỉ: Tổ dân phố P, thị trấn L, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh. Thửa đất có vị trí tứ cận như sau:

- Phía Bắc giáp đường đất, có chiều dài 5,52m;
- Phía Nam giáp đất ông Nguyễn Đức Q1, có chiều dài 14m;
- Phía Đông giáp phần đất giao cho bà Nguyễn Thị B, có chiều dài 19,18m + giáp đường đi chung có chiều dài 03m;
- Phía Tây giáp đất nhà thờ họ Phạm V3, có chiều dài 17,94m.

4.2. Giao cho bà Phan Thị T được quyền quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 206,87m², trị giá 103.391.895 đồng (trong đó 60m² đất ở trị giá 94.800.000 đồng và 146,87m² đất trồng cây lâu năm 8.591.895 đồng) thuộc thửa đất số 160, tờ bản đồ số 29, địa chỉ: Tổ dân phố P, thị trấn L, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh. Thửa đất giao cho bà T có vị trí tứ cận:

- Phía Bắc giáp đường đi chung, có chiều dài 8,73m + 6,77m;
- Phía Nam giáp đất ông Nguyễn Đức Q1, có chiều dài 15,75m;
- Phía Đông giáp đường Bê tông, có chiều dài 14,29m + 0,45m;
- Phía Tây giáp đất ông Nguyễn Đức Q1, có chiều dài 11,72m.

4.3. Giao cho bà Nguyễn Thị B được quyền quản lý, sử dụng phần đất có diện

tích 369m², trị giá 143.306.500 đồng (trong đó 80m² đất ở trị giá 126.400.000 đồng và 289m² đất trồng cây lâu năm trị giá 16.906.500 đồng) thuộc thửa đất số 160, tờ bản đồ số 29, địa chỉ: Tổ dân phố P, thị trấn L, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh. Thửa đất giao cho bà B có vị trí tứ cận:

- Phía Bắc giáp đường đất, có chiều dài 10,36m + 5,94m + 3,25m + 2,25m + 6,88m;
- Phía Nam giáp đường đi chung, có chiều dài 15,58m + 9,14m;
- Phía Đông giáp đất ông Nguyễn Như V1, có chiều dài 12,69m + giáp đường Bê tông có chiều dài 3,94m;
- Phía Tây giáp phần đất giao cho C2 ba dòng họ Nguyễn Duy B1, có chiều dài 19,18m.

4.4. Dành 01 phần đất dùng làm đường đi chung vào thửa đất nhà thờ Chi ba dòng họ Nguyễn Duy B1 và thửa đất của bà Nguyễn Thị B có diện tích 69,65m² trị giá 4.074.525 đồng, thuộc thửa đất số 160, tờ bản đồ số 29, địa chỉ: Tổ dân phố P, thị trấn L, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh. Thửa đất đường đi chung có vị trí tứ cận:

- Phía Bắc giáp phần đất giao cho bà Nguyễn Thị B, có chiều dài 15,58m + 9,14m;
- Phía Nam đất bà Phan Thị T, có chiều dài 8,73m + 6,77m + giáp đất ông Nguyễn Đức Q1 có chiều dài 7,73m;
- Phía Đông giáp đường Bê tông có chiều dài 3,38m;
- Phía Tây giáp phần đất giao cho C2 ba dòng họ Nguyễn Duy B1, có chiều dài 03m.

5. Bà Nguyễn Thị B có nghĩa vụ phải tháo dỡ, di dời các công trình xây dựng, vật kiến trúc, cây cối và các tài sản trên phần đất dùng làm đường đi chung vào đất nhà thờ Chi ba dòng họ Nguyễn Duy B1 và đất của bà Nguyễn Thị B.

(Chi tiết cụ thể phần đất giao bà Phan Thị T, bà Nguyễn Thị B, đất giao cho C2 ba dòng họ Nguyễn Duy B1 và đường đi chung có sơ đồ kèm theo bản án).

6. Các đương sự có quyền và nghĩa vụ liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đề nghị cấp GCNQSDĐ theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ thi hành án, quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 12/10/2022, bị đơn là bà Nguyễn Thị B có đơn kháng cáo với nội dung: Bản án sơ thẩm tuyên huỷ GCNQSDĐ cấp cho ông G3 tại thửa đất số 384 là không đúng vì thửa đất này là đất của cụ T7, cụ S1; các con của 02 cụ đều sinh sống trên các thửa đất khác, thửa đất này đã được cụ T7, cụ S1 cho ông G3 sử dụng, không phải là đất của ông T6, bà N nên không phải là di sản thừa kế. Thửa đất đã được vợ chồng bà sử dụng từ trước ngày 15/10/1993 là đã trên 28 năm, không có tranh chấp với ai và việc cấp GCNQSDĐ là đúng pháp luật nên đề nghị

cấp phúc thẩm huỷ bản án sơ thẩm.

Ngày 13/10/2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Văn H3 có đơn kháng cáo với nội dung: Bản án sơ thẩm chia di sản thừa kế và phần tài sản của bà N không công bằng, ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với phần đất nhà thờ Chi ba dòng họ Nguyễn Duy B1 và lối đi vào nhà thờ; chia cho bà B được sử dụng diện tích đất nhiều hơn nhưng không buộc trích tiền chênh lệch nhận tài sản là chưa đúng. Đề nghị sửa bản án sơ thẩm, cắt một phần trong tổng diện tích đất 369m² đất của bà B để chia thêm cho nhà thờ diện tích tổng khoảng 548m²; chia lối đi vào nhà thờ rộng 4m.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 22/9/2023, nguyên đơn không kháng cáo; bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo có mặt đề nghị Hội đồng xét xử cho hoãn phiên tòa để lập biên bản thoả thuận, thuê đơn vị đo vẽ lại việc phân chia thửa đất.

Tại phiên tòa ngày 30/10/2023, các đương sự có kháng cáo có đơn với nội dung xin xét xử vắng mặt và đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thoả thuận của các bên theo biên bản đã lập, phân chia di sản thừa kế của ông T6 và tài sản của bà N theo sơ đồ phân chia thửa đất do các bên thuê đo vẽ gửi kèm theo đơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội có quan điểm:

+ Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng. Kháng cáo của bà Nguyễn Thị B và của anh Nguyễn Văn H3 là trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, người kháng cáo đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm nên đủ điều kiện chấp nhận xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

+ Về nội dung: Xét thấy tại cấp phúc thẩm, các bên đương sự đã thoả thuận với nhau về việc phân chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Đức T6 và tài sản của bà Phan Thị N, việc thoả thuận của các bên là sự tự nguyện, không trái pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thoả thuận của các bên đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án; căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị B và kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn H3 là trong thời hạn quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, người kháng cáo đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm dân sự nên được chấp nhận hợp lệ để xem xét, giải quyết theo thủ tục

phúc thẩm.

[1.2] Tại phiên tòa vắng mặt toàn bộ các bên đương sự trong vụ án nhưng bị đơn có kháng cáo bà Nguyễn Thị B, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo anh Nguyễn Văn H3 và nguyên đơn không có kháng cáo bà Phan Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt; những người khác vắng mặt nhưng đã được triệu tập hợp lệ lần 02. Căn cứ đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về xác định mối quan hệ tranh chấp, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết: Người để lại di sản thừa kế là ông Nguyễn Đức T6 chết ngày 05/02/2000; ngày 03/11/2020 nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của ông T6 và yêu cầu huỷ GCNQSDĐ đã cấp mang tên ông Nguyễn Văn G3 đối với thửa đất có tranh chấp. Do đó, bản án sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp, yêu cầu khởi kiện còn trong thời hiệu khởi kiện và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh là đúng theo quy định tại khoản 9 Điều 26; khoản 2, khoản 4 Điều 34, Điều 37, 223 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 32 Luật Tố tụng hành chính.

[2] Về nội dung:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của nguyên đơn bà Phan Thị T, bị đơn bà Nguyễn Thị B, ý kiến của UBND huyện L, tỉnh Hà Tĩnh và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án có cơ sở xác định: Thửa đất số 384, tờ bản đồ số 29 bản đồ 299 (nay là thửa số 160 tờ bản đồ số 29); theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 30/6/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh có diện tích hiện trạng là 825,27m², trị giá 352.578.000 đồng, có địa chỉ tại: Tổ dân phố P, thị trấn L, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh là di sản thừa kế của cụ Nguyễn Đức T6 và tài sản của bà Phan Thị N được thừa hưởng do cha ông trước để lại.

Khi xét xử sơ thẩm, ông T6 đã chết, bà N còn sống; bản án sơ thẩm xác định di sản thừa kế của ông T6 là $\frac{1}{2}$ diện tích thửa đất = 412,635m² để chia thừa kế theo pháp luật và xác định $\frac{1}{2}$ diện tích đất còn lại là tài sản của bà N là có cơ sở pháp luật. Do bà N tự nguyện đề nghị chia phần tài sản là đất của bà cho các con sử dụng theo như thoả thuận của gia đình năm 2011 nên bản án sơ thẩm phân chia phần tài sản là đất của bà N là đúng quy định của pháp luật.

Trên cơ sở ý kiến, nguyện vọng về việc nhận, cho tặng di sản thừa kế của những người được hưởng di sản thừa kế của ông T6 và ý kiến tặng cho tài sản của bà N đối với phần tài sản thuộc quyền sử dụng của bà, hiện trạng thửa đất, người có nhu cầu sử dụng đất, các công trình xây dựng trên đất; bản án sơ thẩm phân chia thửa đất thành 03 phần gồm: 01 phần giao cho C2 ba dòng họ Nguyễn Duy B1

quản lý, sử dụng có diện tích 179,75m²; 01 phần giao cho bà Nguyễn Thị B quản lý, sử dụng có diện tích 369,0m²; 01 phần giao cho bà Phan Thị T quản lý, sử dụng có diện tích 206,87m² và dành 01 phần đất dùng làm lối đi chung vào đất nhà thờ của C2 ba dòng họ Nguyễn Duy B1 và đất bà Nguyễn Thị B có diện tích 69,65m² là phù hợp thực tế, đảm bảo giá trị sử dụng đất, các tài sản trên đất, đảm bảo được lối đi chung vào nhà thờ và phù hợp pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bà Phan Thị N chết.

Tại cấp phúc thẩm các bên đương sự gồm: Nguyên đơn bà Phan Thị T, bị đơn bà Nguyễn Thị B có kháng cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn H3 có kháng cáo đã tự nguyện thoả thuận với nhau về việc phân chia di sản thừa kế của ông T6 và tài sản của bà N, có văn bản thoả thuận, sơ đồ phân chia thửa đất theo thoả thuận do các bên đương sự thuê đo vẽ, đồng thời các bên cùng có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thoả thuận của các bên và sửa bản án sơ thẩm.

[3] Xét thấy sự thoả thuận của các bên đương sự về việc phân chia lại di sản thừa kế của ông T6 và tài sản của bà N là sự tự nguyện, không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội, không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thoả thuận của các đương sự.

[4] Về án phí: Bà Nguyễn Thị B là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm; anh Nguyễn Văn H3 phải chịu ½ mức án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự về việc phân chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Đức T6, phân chia tài sản là đất của bà Phan Thị N và sửa Bản án sơ thẩm số 18/2022/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh như sau:

1. Công nhận thửa đất số 384, tờ bản đồ số 29 bản đồ 299 (nay là thửa số 160 tờ bản đồ số 29), diện tích 825,27m², có địa chỉ: Tổ dân phố P, thị trấn L, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh là di sản thừa kế của cụ Nguyễn Đức T6 và tài sản của bà Phan Thị N.

2. Chấp nhận sự tự nguyện nhường lại kỷ phần thừa kế di sản là quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Đức T6 của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Phan Thị N, ông Nguyễn Văn T5, ông Nguyễn Đức H1, bà Nguyễn Thị

L, bà Nguyễn Thị S, bà Nguyễn Thị T4, ông Nguyễn Đức H2, bà Ngô Thị Vân K, chị Nguyễn Thị Bảo V2, chị Nguyễn Thị Bảo L1, anh Nguyễn Đức Q, anh Nguyễn Văn H3, chị Nguyễn Thị H4, chị Nguyễn Thị N1, anh Nguyễn Đức H5 và chị Nguyễn Thị L2 cho nhà thờ Chi ba dòng họ Nguyễn Duy B1, bà Phan Thị T và bà Nguyễn Thị B.

3. Huỷ GCNQSDĐ số G251614 do UBND huyện T cấp ngày 13/6/1995 cho ông Nguyễn Văn G3 đối với thửa đất số 384, tờ bản đồ 8 bản đồ 299 (nay là thửa đất số 160, tờ bản đồ số 29 bản đồ địa chính chính quy).

4. Chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Đức T6 và tài sản của bà Phan Thị N tại thửa đất số 160, tờ bản đồ số 29, diện tích 825,27m², địa chỉ: Tổ dân phố P, thị trấn L, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh, như sau:

4.1. Giao cho C2 ba dòng họ Nguyễn Duy B1 được quyền quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 192,86m², thuộc thửa đất số 160, tờ bản đồ số 29, địa chỉ: Tổ dân phố P, thị trấn L, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh. Thửa đất có mốc giới gồm các điểm 5, 6, 7, 23, 21, 22, 5; có vị trí, tứ cận theo sơ đồ bản vẽ kèm theo bản án như sau:

- +) Phía Bắc giáp đường đất, có chiều dài 6,3m+3,95m;
- +) Phía Nam giáp đất ông Nguyễn Đức Q1, có chiều dài 10,25m;
- +) Phía Đông giáp phần đất giao cho bà Nguyễn Thị B, có chiều dài 16,66m + giáp đường đi chung có chiều dài 03m;
- +) Phía Tây giáp đất nhà thờ họ Phạm V3, có chiều dài 17,93m.

4.2. Giao cho bà Phan Thị T được quyền quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 206,87m², thuộc thửa đất số 160, tờ bản đồ số 29, địa chỉ: Tổ dân phố P, thị trấn L, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh. Thửa đất có mốc giới gồm các điểm 1, 2, 3, 16, 15, 14, 1; có vị trí, tứ cận theo sơ đồ bản vẽ kèm theo bản án như sau:

- Phía Bắc giáp đường đi chung, có chiều dài 8,73m + 6,77m;
- Phía Nam giáp đất ông Nguyễn Đức Q1, có chiều dài 15,75m;
- Phía Đông giáp đường Bê tông, có chiều dài 14,29m + 0,45m;
- Phía Tây giáp đất ông Nguyễn Đức Q1, có chiều dài 11,72m.

4.3. Giao cho bà Nguyễn Thị B được quyền quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 343,86m², thuộc thửa đất số 160, tờ bản đồ số 29, địa chỉ: Tổ dân phố P, thị trấn L, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh. Thửa đất có mốc giới gồm các điểm 17, 18, 19, 20, 21, 23, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 17; có vị trí, tứ cận theo sơ đồ bản vẽ kèm theo bản án như sau:

- Phía Bắc giáp đường đất, có chiều dài 5,64m + 5,94m + 3,25m;
- Phía Nam giáp đường đi chung (đường giao thông), có chiều dài 4,25m + 7,45m + 8,46m + 7,12m;
- Phía Đông giáp đất ông Nguyễn C3, có chiều dài 12,69m + 2,35m + 6,88m và giáp đường Bê tông có chiều dài 3,94m;

- Phía Tây giáp phần đất giao cho C2 ba dòng họ Nguyễn Duy B1, có chiều dài 16,66m.

4.5. Dành 01 phần đất dùng làm đường đi chung (đường giao thông) vào thửa đất nhà thờ Chi ba dòng họ Nguyễn Duy B1, thửa đất của bà Nguyễn Thị B và thửa đất của bà Phan Thị T có diện tích 81,68m², thuộc thửa đất số 160, tờ bản đồ số 29, địa chỉ: Tổ dân phố P, thị trấn L, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh. Thửa đất có mốc giới gồm các điểm 15, 16, 3, 4, 22, 21, 20, 19, 18, 17, 15; có vị trí, tứ cận theo sơ đồ bản vẽ kèm theo bản án như sau:

- Phía Bắc giáp phần đất giao cho bà Nguyễn Thị B, có chiều dài 4,25m + 7,45m + 8,46m + 7,12m

- Phía Nam đất bà Phan Thị T, có chiều dài 8,73m + 6,77m và giáp đất ông Nguyễn Đức Q1 có chiều dài 7,73m + 3,75m

- Phía Đông giáp đường Bê tông có chiều dài 3,38m;

- Phía Tây giáp phần đất giao cho C2 ba dòng họ Nguyễn Duy B1, có chiều dài 03m.

6. Bà Nguyễn Thị B có nghĩa vụ phải tháo dỡ, di dời các công trình xây dựng, vật kiến trúc, cây cối và các tài sản trên phần đất dùng làm đường đi chung (đường giao thông) vào đất giao cho nhà thờ Chi ba dòng họ Nguyễn Duy B1, đất giao cho bà Nguyễn Thị B và đất giao cho bà Phan Thị T.

(Chi tiết cụ thể phần đất giao cho các bên sử dụng và đất làm đường đi chung có sơ đồ kèm theo bản án)

7. Các đương sự có quyền và nghĩa vụ liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đề nghị công nhận quyền sử dụng đất, cấp GCNQSDĐ theo quy định của pháp luật.

8. Về án phí:

- Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bà Nguyễn Thị B, trả lại cho bà Nguyễn Thị B 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000355 ngày 31/10/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh.

- Anh Nguyễn Văn H3 phải chịu 150.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí; trả lại cho anh Nguyễn Văn H3 150.000 đồng tiền đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000342 ngày 20/10/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh.

9. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật

Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HS, VP, HCTP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Tiến Dũng